

Số: 969 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt các Chương trình khuyến nông địa phương năm 2022
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 341/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển nông nghiệp— nông thôn gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 112/TTr-SNNPTNT ngày 24/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các Chương trình khuyến nông địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như sau:

- Tổng số Chương trình khuyến nông: 11;
- Tổng kinh phí thực hiện: 10.093.083.000 đồng (mười tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, không trăm tám mươi ba ngàn đồng);
- Đơn vị thực hiện: Trung tâm Khuyến nông tỉnh Kiên Giang.

(Đính kèm Chương trình chi tiết).



Điều 2. Giao cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện các Chương trình khuyến nông năm 2022 trên địa bàn tỉnh của Trung tâm Khuyến nông tỉnh; các ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện, thành phố; định kỳ tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Tên*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng: KT;
- Lưu: VT, tvhung

KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quốc Anh




**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

*(Kèm theo Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Sự cần thiết

Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền trong tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, chuyển giao tiến bộ khoa học- công nghệ. Sản xuất nông nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh phát triển khá toàn diện, như: trong trồng trọt đã hình thành các vùng nguyên liệu gắn với chế biến, vùng chuyên canh hàng hóa tập trung; chăn nuôi có bước phát triển theo hướng gia trại, trang trại. Thành tựu đó có sự đóng góp tích cực của công tác khuyến nông, đặc biệt là thực hiện chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

Bên cạnh những thành tựu đạt được trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp còn bộc lộ nhiều hạn chế như: phát triển sản xuất còn manh mún, tự phát, thiếu ổn định, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và phân tán; trình độ sản xuất không đồng đều, chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, khả năng cạnh tranh kém. Do đó xây dựng Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo giai đoạn nhằm phát triển nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững bằng việc thực hiện các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao, mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh là rất cần thiết.

2. Căn cứ xây dựng Chương trình

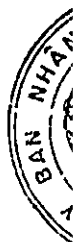
- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

- Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015–2020;

- Nghị quyết số 341/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 90/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Nghị quyết số 181/2018/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Kiên Giang;



- Nghị quyết số 163/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

- Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định mức chi trả nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm được đăng trên bản tin thuộc tỉnh Kiên Giang.

- Căn cứ Quyết định 1923/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho một số loại cây trồng, vật nuôi gia súc, gia cầm thủy sản và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường để làm cơ áp dụng hỗ trợ các mô hình trình diễn khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để tăng thu nhập, giảm nghèo, làm giàu, thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường thông qua các nội dung, hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thúc đẩy tiến trình cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai; bảo đảm an ninh lương thực, ổn định kinh tế- xã hội, bảo vệ môi trường.

- Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng 10 mô hình trồng trọt: mô hình canh tác lúa tiên tiến áp dụng phương pháp gieo cây bằng máy gắn với sản xuất giống lúa cấp xác nhận; mô hình lúa hữu cơ trên nền đất nuôi tôm gắn liền kết chuỗi; trồng dưa lê luân canh trên nền đất lúa gắn với nhãn hiệu tập thể; mô hình dưa hấu trên nền đất lúa; mô hình trồng rau trên nhà lưới ứng dụng công nghệ cao; mô hình trồng gừng sử dụng thuốc sinh học gắn với cấp chứng nhận GlobalGAP; mô hình phát triển vườn sầu riêng, mít; phát triển vùng cây có múi (cam, quýt, bưởi); tưới nước tiết kiệm vườn cây ăn trái.

- Chăn nuôi xây dựng 07 mô hình trình diễn trên gia súc và gia cầm: mô hình thụ tinh nhân tạo trên bò; mô hình nuôi bò sinh sản cải tạo chất lượng đàn bò tỉnh Kiên Giang; mô hình heo thương phẩm sử dụng thức ăn thảo dược theo hướng an toàn sinh học; mô hình nuôi heo sinh sản tại nông hộ theo hướng an toàn sinh học; mô hình gà thương phẩm kết hợp sử dụng thức ăn thảo dược; mô hình gà nòi lai thương phẩm theo hướng an toàn sinh học và mô hình nuôi vịt Gimaud thương phẩm theo hướng an toàn sinh học.

- Xây dựng 15 mô hình nuôi trồng thủy sản, trong đó xây dựng 07 mô hình nuôi trồng thủy sản theo hướng an toàn sinh học cho năng suất và giá trị kinh tế cao với các đối tượng nuôi chính là cá trê vàng, lươn không bùn, cá chột

trong ao, ốc bươu đen, nuôi lươn sinh sản, cá mú trên châu; nuôi cá bè vầu lồng bè; 02 mô hình chuyển đổi bè nuôi cá biển từ truyền thống sang nuôi bằng vật liệu mới HDPE; 02 mô hình nuôi thủy sản kết hợp như cá nâu kết hợp tôm sú; tôm sú kết hợp cua... Ngoài ra, xây dựng 04 mô hình nuôi tôm như: mô hình nuôi tôm chân trắng công nghiệp nhiều giai đoạn, mô hình thử nghiệm nuôi tôm tít mô hình nuôi tôm sú 02 giai đoạn luân canh trồng lúa quản lý cộng đồng, nuôi tôm càng xanh toàn đực luân canh trồng lúa.

- Xây dựng mô hình áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp bao gồm 02 dạng: mô hình trạm bơm điện kiểu đứng và mô hình ứng dụng thiết bị bay không người lái phun thuốc bảo vệ thực vật, rải phân,

- Các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật có 139 lớp đào tạo huấn luyện gắn với mô hình cho hơn 4.000 lượt người (cả trong và ngoài mô hình); tổ chức 71 cuộc hội thảo mô hình cho 2.000 lượt người.

- Thông tin tuyên truyền:

- + Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện Tạp chí “Nông nghiệp - nông thôn Kiên Giang” trên sóng truyền hình (50 kỳ/năm).

- + Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện Tạp chí “Nông nghiệp- nông thôn Kiên Giang” trên sóng phát thanh lúc 16 giờ vào ngày thứ Sáu hàng tuần (24 kỳ/năm).

- + Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện: “Câu chuyện truyền thanh” (6 kỳ), “Câu chuyện người đi biển”(6 kỳ) trên sóng phát thanh.

- + Xây dựng đề cương khuyến nông hàng quý, mỗi số phát hành vào cuối quý, số lượng 800 cuốn/kỳ;...

- + Phối hợp với Báo Kiên Giang thực hiện chuyên trang “Nông nghiệp- nông thôn” 01 kỳ/tuần.

- + Tổ chức các lớp đào tạo nghề lao động nông nghiệp nông thôn; tọa đàm; tập huấn; hội thảo;....

III. NHIỆM VỤ

(Đính kèm Danh mục Chương trình khuyến nông năm 2022).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện năm 2022 là: 10.093.083.000 đồng (*mười tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, không trăm tám mươi ba ngàn đồng*).

Kinh phí đã được giao trong dự toán đầu năm 2022, theo Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động để nâng cao hiệu quả và phương pháp hoạt động khuyến nông

- Thực hiện rà soát, cập nhật, chọn lọc các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, mô hình sản xuất thiết thực, phù hợp với điều kiện địa phương để triển khai áp dụng trên diện rộng nhằm phát triển ngành nông nghiệp một cách bền vững, có hiệu quả về kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh áp dụng các phương pháp tiếp cận tiên tiến, có sự tham gia của người dân, nhất là phương pháp lớp học hiện trường (FFS); phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm... vào hoạt động khuyến nông để nâng cao hiệu quả và tính bền vững.

2. Mở rộng và cải tiến các kênh thông tin tuyên truyền để chuyển tải đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin cần thiết đến người dân

- Xuất bản đặc san khuyến nông, phổ biến chính xác, kịp thời, đầy đủ các thông tin về chủ trương, chính sách của Nhà nước, các định hướng của ngành về nông nghiệp, nông thôn; tuyên truyền các tiến bộ kỹ thuật, điển hình tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp và hoạt động khuyến nông tới các cấp chính quyền, bà con nông dân.

- Có kế hoạch cụ thể để đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về kỹ năng truyền thông cho cán bộ khuyến nông các cấp, như kỹ năng viết tin, bài, xây dựng tờ rơi, áp phích, băng hình,... phát triển và cải tiến các kênh truyền thông cộng đồng về công tác khuyến nông qua hệ thống báo viết, báo hình, báo nói và báo điện tử; đồng thời cập nhật, đăng tải thông tin về giá cả, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tình hình hội nhập và cạnh tranh quốc tế đến tận người sản xuất.

- Thúc đẩy sự tham gia tích cực của các cấp, ban, ngành vào hoạt động truyền thông, cập nhật thông tin một cách đa dạng, nhiều chiều, khách quan và kịp thời nhằm đưa ra các dự báo chính xác phục vụ chương trình phát triển nông nghiệp và nông thôn.

3. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến nông các cấp

- Tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông các cấp. Trong đó, ưu tiên cho việc đào tạo cán bộ khuyến nông huyện và xã.

- Chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, tinh thần, trách nhiệm và thái độ phục vụ; đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, tổ chức hội thảo, xây dựng mô hình và đánh giá các hoạt động khuyến nông.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Chương trình khuyến nông trên địa bàn tỉnh; chủ trì hướng dẫn lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch thực hiện hàng năm và các chương trình, dự án, mô hình khuyến nông theo Chương trình này. Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chương trình; định kỳ, đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

- Chủ trì tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình khuyến nông hàng năm; gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ kinh phí thực hiện.

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện tốt Chương trình.

2. Các sở, ban ngành liên quan

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện hàng năm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

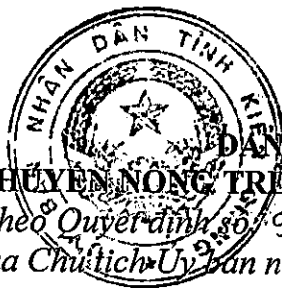
- Sở Khoa học và Công nghệ: ưu tiên thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật và đề xuất các giải pháp khoa học-công nghệ tiên tiến để thực hiện Chương trình.

- Đề nghị các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội, nghề nghiệp và các cơ quan truyền thông đại chúng tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tuyên truyền về công tác khuyến nông.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ nội dung Chương trình và nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn, chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Phòng Kinh tế; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phối hợp triển khai thực hiện các dự án, mô hình khuyến nông; chỉ đạo chuyển giao, nhân rộng các mô hình thành công vào sản xuất đại trà tại địa phương./.





DANH MỤC
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 14/4/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

DVT: đồng

Số TT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	DỰ TOÁN KINH PHÍ
	Chương trình khuyến nông thường xuyên	10.093.083.000
1	Chương trình thông tin tuyên truyền – tập huấn	2.191.481.000
2	Chương trình canh tác lúa tiên tiến gắn với sản xuất giống lúa cấp xác nhận	1.675.853.000
3	Chương trình canh tác lúa hữu cơ trên nền đất nuôi tôm gắn với chứng nhận	875.287.000
4	Chương trình phát triển cây rau màu	649.301.000
5	Chương trình phát triển cây ăn trái	610.470.000
6	Chương trình phát triển chăn nuôi gia súc	588.108.000
7	Chương trình phát triển chăn nuôi gia cầm	614.678.000
8	Chương trình cơ giới hóa và bảo vệ môi trường	625.200.000
9	Chương trình phát triển thủy đặc sản nước ngọt	567.914.000
10	Chương trình phát triển mô hình thủy sản mặn, lợ ven biển và ứng dụng công nghệ hiện đại trong nuôi biển	806.830.000
11	Chương trình phát triển mô hình nuôi thủy sản kết hợp	887.961.000